

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-PT

Ngày 14 - 7 - 2020

“Về chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuý Mai

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Bùi Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2019/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình. Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H (Vũ Ngọc H), sinh năm 1980;

HKTT: Thôn N, xã O, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị H là anh Vũ Văn T, sinh năm 1978, địa chỉ: TDP X, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Hà Công A, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn N, xã O, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh A: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1980. Địa chỉ: số 46, Đường Nguyễn Tất Thành, phường Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hà Công Q, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã O, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Thái B - Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

- Chị Đặng Thị T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã O, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Anh Hà Công Q, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn N, xã O, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2019) (có mặt)

4. Người kháng cáo: Anh Hà Công A và anh Hà Công Q

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Vũ Thị H (tức Vũ Ngọc H) trình bày:

Chị và anh Hà Công A đã được Tòa án nhân dân huyện L và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết cho ly hôn, con chung, tài sản chung, công nợ từ năm 2014. Tuy nhiên, còn 01 thửa đất số 88, tờ bản đồ 18, diện tích 120m² thuộc thôn N, xã O do chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án đã tách ra khi nào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì giải quyết sau. Đến năm 2016, thửa đất nêu trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên anh Hà Công A, nhưng hiện nay anh Hà Công Q và chị Đặng Thị T đã làm nhà và sinh sống, quản lý thửa đất đó.

Nguồn gốc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 18 nêu trên là do chị và anh A (thời điểm hôn nhân đang tồn tại) mua lại suất tiêu chuẩn của ông Phan Hữu Bộ trú tại thôn Thôn N, xã O với giá 6.000.000đồng vào khoảng giữa năm 2005, (anh A đã thanh toán tiền cho ông Bộ) đồng thời anh A có 02 lần nộp tiền cho UBND xã O, tổng cộng cả 02 lần anh A nộp tiền đất là 24.090.000đồng (không kể số tiền 6.000.000đồng đã thanh toán cho ông Bộ). Toàn bộ số tiền này đều do chị đi làm ở Đài Loan đem về.

Thời điểm mua là đất ruộng. Quá trình sử dụng từ năm 2005 đến năm 2008, anh A vẫn làm ruộng trên thửa đất sau đó đến năm 2009 vợ chồng anh Hà Công Q cải tạo, làm nhà trên đất không hỏi ý kiến của chị. Năm 2014, khi Tòa án giải quyết thì bản thân anh Q, chị T cũng tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đến năm 2018, anh Q, chị T tháo dỡ nhà cũ, xây nhà mới và chị có đơn yêu cầu thì UBND xã O đã ra quyết định đình chỉ xây dựng, anh Q, chị T vẫn cố tình xây dựng. Nay chị xác định thửa đất nêu trên là tài sản chung của chị và anh Hà Công A, chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi thửa đất, chị xin lấy bằng hiện vật và yêu cầu anh Hà Công Q, chị Đặng Thị T tháo dỡ các công trình trên đất.

Bị đơn anh Hà Công A và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Về việc giải quyết ly hôn giữa anh A và chị H vào năm 2014 như chị H trình bày là đúng. Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp là do anh Q đi xuất khẩu lao động ở Malaysia gửi tiền về nhờ anh A mua giúp vào năm 2005. Khi đó anh Q gửi cho

anh A 6.000.000đồng, gửi tiền về qua tài khoản Ngân hàng của ông Hà Đức Hùng (chú rể của anh). Thửa đất đó là do anh A mua lại tiêu chuẩn mua đất của anh Phan Hữu Bộ với giá 6.000.000đồng. Khi đó chị H đang đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan nên không biết việc này. Thửa đất anh A mua hộ cho anh Q sau đó chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do có tranh chấp giữa hộ gia đình chị Nguyễn Thị Đoàn và anh Nguyễn Văn Kết. Năm 2009, anh Q cùng với anh Hà Công A trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã O nộp tiền đất, số tiền là 18.090.000đồng (có biên lai). Số tiền đó là của anh Q và do anh Q trực tiếp nộp cho anh Hà Văn Quý (cán bộ tài chính của xã). nhưng anh A là người ký tên vào giấy nộp tiền. Cũng trong năm 2009, anh Q có làm 01 ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất và sinh sống tại đó cho đến nay. Khi đó chị H đi xuất khẩu lao động, nhưng có về nước một vài lần, lúc đó chị H biết là anh A mua hộ đất cho anh Q nhưng chị H không có ý kiến gì. Vì là tình cảm anh em, nên mọi giao dịch giữa anh Q và anh A không có giấy tờ gì. Năm 2010, anh Q kết hôn với chị Đặng Thị T. Vợ chồng anh và các con chung sống trên thửa đất đó ổn định cho đến nay.

Năm 2016, tranh chấp giữa chị Đ và anh K được giải quyết xong nên thửa đất trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ anh Hà Công A. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ khẩu của anh A có anh A và cháu Hà Thị Lan A, sinh năm 2006 (con chung của anh A và chị H), nB giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn do Ủy ban nhân dân xã quản lý do có việc kiện của chị H. Chị H trình bày trong quá trình đi lao động ở nước ngoài có gửi tiền về cho anh A để anh A mua thửa đất đang tranh chấp hiện nay là không đúng, thực tế số tiền mua đất đó là của anh Q.

Nay anh A và anh Q không nhất trí với yêu cầu của chị H, vì thửa đất nêu trên không phải của anh A và chị H, mà là của anh Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hà Công Q và chị Đặng Thị T trình bày: Xác nhận như trình bày của anh Hà Công A. Anh chị kết hôn từ tháng 3 năm 2010, vợ chồng ở trên ngôi nhà cấp 4 mà anh Q xây dựng từ năm 2009 đang tranh chấp hiện nay. Đến năm 2018, vợ chồng chị phá dỡ ngôi nhà cấp 4, xây một ngôi nhà hai tầng như hiện nay. Nay chị H khởi kiện tranh chấp với anh A anh chị không nhất trí.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án số 32/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện L đã căn cứ vào Khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27, Điều 95, Điều 97 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 2 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Vũ Thị H

Giao cho anh Hà Công A được quyền sở hữu và sử dụng diện tích đất 120m² tại thôn N, xã O, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, số thửa 88, tờ bản đồ 18, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00874 do UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 02/8/2019 mang tên hộ ông Hà Công A trị giá 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Đất có chiều cạnh cụ thể như sau: Phía Bắc giáp mương thoát nước, cạnh CD dài 6m; Phía Tây giáp thửa đất số 87 (hộ Thanh - Bảo), cạnh AD dài 20m; Phía Nam giáp đường liên xã O đi Tử Du, cạnh AB dài 6m; Phía Đông giáp thửa đất số 89 (hộ Lý - Dũng), cạnh BC dài 20m. (Có sơ đồ kèm theo).

Buộc anh Hà Công A thanh toán cho chị Vũ Thị H 120.000.000đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của chị H về việc yêu cầu chia đôi đất bằng hiện vật và buộc anh Q, chị T phải tháo dỡ nhà.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 28/10/2019 anh Hà Công A và anh Hà Công Q có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với Quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết công nhận toàn bộ diện tích đất thổ cư 120m² là của anh Hà Công Q.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Hà Công A và anh Hà Công Q trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu thu thập được xác định: Thửa đất diện tích 120m² có tranh chấp là thửa số 88, tờ bản đồ số 18, diện tích 120m² tại thôn N, xã O, huyện L đã được Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/8/2016 mang tên hộ ông Hà Công A. Nguồn gốc đất là của ông Phan Hữu Bộ, trú tại: Thôn N, xã O, huyện L. Theo chị H thửa đất trên do chị và anh A mua của ông Bộ trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị chia đôi, anh A cho rằng thửa đất trên do anh Q là em trai anh gửi tiền nhờ mua hộ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ xác định là tài sản chung của chị H và anh A, giao tài sản là thửa đất trên cho anh A sử dụng, buộc anh A thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H nên anh A và anh Q kháng cáo.

Xét kháng cáo của anh A và anh Q nhận thấy: Theo Biên bản xác minh tại UBND xã O thể hiện năm 2005, giữa ông Bộ và anh A, chị H đã tự thỏa thuận, ông Bộ đã nhượng lại điều kiện mua đất của ông cho anh Hà Công A và chị Vũ Thị H với giá 6.000.000đ. Sau đó, anh A, chị H được UBND xã O xác định thuộc đối tượng, tiêu chuẩn được cấp đất có thu tiền sử dụng đất, cụ thể nộp 6.000.000đ (phiếu thu ngày 15/6/2005, người nộp tiền Hà Công A), số tiền này được UBND xã O xác nhận là khoản tiền mà hộ anh A được bồi thường, sau đó được khấu trừ vào tổng số tiền phải nộp tiền đất. Đến năm 2009, anh A tiếp tục nộp số tiền 18.090.000đ (phiếu thu ngày 25/12/2009, người nộp tiền Hà Công A). Tại Biên bản hòa giải ngày 15/7/2019, anh Hà Công Q xác định ngoài số tiền anh gửi về nhờ anh A đứng tên mua lại suất tiêu chuẩn của ông Bộ 6.000.000đ thì anh chỉ nộp tiền đất ở UBND xã O 01 lần duy nhất là 18.090.000đ.

Tuy nhiên cả hai thời điểm nộp tiền năm 2005 và năm 2009 thì hôn nhân giữa anh Hà Công A và chị Vũ Thị H vẫn còn tồn tại, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Phía anh Q cho rằng anh nhờ anh A mua đất, đứng tên nộp tiền hộ, nguồn tiền là của anh nB trong quá trình giải quyết vụ án anh Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện việc anh đưa tiền cho chị H và anh A hoặc văn bản, tài liệu thể hiện chị H và anh A đồng ý đứng tên mua đất hoặc cAễn nhượng đất cho anh, các chứng từ nộp tiền đất lại đều thể hiện do anh Hà Công A nộp. Mọi giao dịch với ông Bộ cũng như các thủ tục xác định quyền tài sản đều thể hiện đứng tên một mình anh A. Do đó, anh A, anh Q cho rằng đất là của anh Q là không có căn cứ quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung của anh A và chị H.

Ngoài ra năm 2018, khi anh Q và chị T làm nhà đất chị H đã có đơn khiếu nại, UBND xã O đã có Quyết định đình chỉ xây dựng theo quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 22/10/2018, nhưng anh Q, chị T vẫn tiếp tục xây dựng và hoàn thiện ngôi nhà thể hiện đã có tranh chấp giữa hai bên. Quá trình xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để anh Q cung cấp chứng cứ về việc làm nhà trên đất và chứng minh về quyền tài sản. Tuy nhiên tài liệu mà anh Q cung cấp là “Đơn xin xác nhận” đề ngày 14/4/2020 nội dung có trình bày về việc làm nhà và có xác nhận của một số người làm chứng nhưng lời khai của những người làm chứng không có căn cứ xác định về quyền tài sản của anh Q do vậy không có cơ sở xem xét theo yêu cầu của anh Q.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao diện tích đất 120m² thuộc thửa số 88, tờ bản đồ số 18 cho anh A sử dụng; anh A có trách nhiệm thanh toán ½ giá trị tài sản cho chị H bằng 120.000.000đ là có căn cứ, phù hợp, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của anh Hà Công A và anh Hà Công Q.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) án phí dân sự có giá ngạch nB được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.500.000đ

(Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000042 ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Trả lại chị H 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh Hà Công A phải chịu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) án phí dân sự có giá ngạch và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Anh Hà Công Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27, Điều 95, Điều 97 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 2 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 32/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Vũ Thị H.

Giao cho anh Hà Công A được quyền sử dụng diện tích đất 120m² số thửa 88, tờ bản đồ 18 tại thôn N, xã O, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00874 do UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 02/8/2019 mang tên hộ ông Hà Công A trị giá 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Đất có chiều cạnh cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp mương thoát nước, cạnh CD dài 6m;
- Phía Tây giáp thửa đất số 87 (hộ Thanh - Bảo), cạnh AD dài 20m;
- Phía Nam giáp đường liên xã O đi Tử Du, cạnh AB dài 6m;
- Phía Đông giáp thửa đất số 89 (hộ Lý - Dũng), cạnh BC dài 20m.

(Có sơ đồ kèm theo).

Buộc anh Hà Công A thanh toán cho chị Vũ Thị H 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của chị H về việc yêu cầu chia đôi đất bằng hiện vật và buộc anh Q, chị T phải tháo dỡ nhà.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) án phí dân sự có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000042 ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Trả lại chị H 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh Hà Công A phải chịu 6.000.000đồng án phí dân sự có giá ngạch và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0007498 ngày 28/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Anh Hà Công Q phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0007499 ngày 28/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TGD&NCTN, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Thúy Mai